

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LAI VUNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 11-4-2019

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con,
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Thị Hoa L.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Đặng Văn H;

Bà: Quang Kim C.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Anh V là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 11 tháng 4 năm 2019 tại phòng xử án trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2019/TLST-HNGĐ, ngày 23/01/2019 “V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con, khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05 tháng 3 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 181/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 25 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị L, sinh năm 1981. (có mặt).

Địa chỉ: 154A/1, ấp LA, xã LT, huyện L, tỉnh Đ.

- Bị đơn: Nguyễn Hoàng Tâm, sinh năm 1982 (vắng mặt);

Địa chỉ: 154A/1, ấp LA, xã LT, huyện L, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 07/01/2019 nguyên đơn Nguyễn Thị L trình bày: Vào năm 1999 chị L và anh Tâm tổ chức đám, có đăng ký kết hôn tại UBND TH, huyện L, tỉnh Đ ngày 27/11/2002. Trong thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2014 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, anh T ghen tuông xúc phạm chị L và cha mẹ chị L, hơn nữa anh T có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Vì thế mà vợ chồng đã xa nhau từ năm 2014 cho đến nay.

Nay chị L xác định không còn tình cảm với anh T nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị L được ly hôn với anh T.

Về con chung: Quá trình sống chung vợ chồng có một người con chung tên Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 23/8/2001, đang sống với chị L. Chị L yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu giải quyết.

Về nợ khi ly hôn: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 05/3/2019 bị đơn Nguyễn Hoàng T trình bày: Về hôn nhân đúng như chị L trình bày. Còn về việc chị L trình bày anh T không lo lắng cho vợ con là không đúng, anh T vẫn lo lắng cho vợ con, còn về quan hệ bất chính với phụ nữ bên ngoài anh T cho rằng anh có quen bạn bè bên ngoài nhưng không phải như chị L nói. Trong quá trình sống chung vợ chồng cũng có cự cãi qua lại và có xa nhau khoảng 2 năm nay. Nay anh T xác định còn thương chị L nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có một con chung đúng như chị L trình bày. Nếu Tòa án cho ly hôn, anh T đồng ý giao con chung tên Nguyễn Hoàng H cho chị L nuôi dưỡng, anh T không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu giải quyết.

Về nợ khi ly hôn: Không có.

Tại tờ tường trình ngày 23/01/2019 Nguyễn Hoàng H có nguyện vọng được sống chung với chị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyễn Thị L có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa Nguyễn Thị L với anh Nguyễn Hoàng T và anh T có nơi cư trú tại ấp LA, xã LT, huyện L, tỉnh Đ thẩm quyền giải quyết Tòa án nhân dân huyện L theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn Nguyễn Hoàng T đã được Tòa án thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định nhưng bị đơn Nguyễn Hoàng T vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Hoàng T tổ chức đám cưới vào năm 1999 tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định là ngày 27/11/2002, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 8

và Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình sống chung vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh T có người phụ nữ bên ngoài nên không lo lắng chăm sóc cho vợ con vì thế mà chị L và anh T đã xa nhau từ năm 2014 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn thương anh T không thể tiếp tục sống chung với anh T nên chị L khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh T. Anh T trình bày còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn nhưng tại biên bản hòa giải anh T thừa nhận vợ chồng có xa nhau 02 năm và anh T thừa nhận có quan hệ với phụ nữ trên mức bình thường, hơn nữa Tòa án đã mở phiên tòa lần thứ hai vào ngày 11/4/2019 nhưng anh T vẫn cố tình vắng mặt không có lý do, điều này thể hiện anh T không có thiện chí để hàn gắn cuộc hôn nhân này với chị L. Còn về phía chị L, mặc dù Tòa án đã kiên trì hòa giải động viên chị hàn gắn về sống chung với anh T nhưng chị L vẫn cương quyết ly hôn. Cho nên, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị L và anh T là trầm trọng đòi sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt nên thỏa mãn các điều kiện theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của Nguyễn Thị L là có căn cứ.

[3]. Về con chung và cấp dưỡng: Chị L yêu cầu nuôi con chung Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 23/8/2001 được anh T đồng ý và cũng phù hợp với nguyện vọng của Nguyễn Hoàng H tại tờ tường trình ngày 23/01/2019, cháu H yêu cầu được sống với chị L, chị L không yêu cầu cấp dưỡng và anh T cũng không tự nguyện cấp dưỡng nên anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4]. Về tài sản chung: Chị L và anh T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Nguyên đơn Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân gia đình và cấp dưỡng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[7]. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều

27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng T.

2. Về con chung và cấp dưỡng: Chị Nguyễn Thị L được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 23/8/2001, anh Nguyễn Hoàng T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị L cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Nguyễn Hoàng T trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn.

3. Về án phí và tạm ứng án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân là 300.000 đồng. Được khấu trừ 300.000 đồng mà Nguyễn Thị L đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số: 0002696, ngày 23/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đ.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (11/4/2019). Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND huyện L;
- CCTHADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

Tô Thị Hoa L